

THỰC TẬP SINH KHỎI NGÀNH KINH TẾ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

Nguyễn Văn Hậu

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Email: nguyenvanhau.hce@gmail.com

Hồ Thị Hương Lan

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Email: huonglanmarketing@gmail.com

Dương Trọng Tâm

Email: trongtam.hce@gmail.com

Dương Văn Dương

Email: duongvandyuong.hce@gmail.com

Ngô Hữu Nhật

Email: ngohuunhat14412@gmail.com

Nguyễn Thị Nguyệt

Email: nguyenthinguyet.hce@gmail.com

Đặng Thanh Hương

Email: dangthanhhuong.hce@gmail.com

Ngày nhận: 06/5/2019

Ngày nhận bản sửa: 03/7/2019

Ngày duyệt đăng: 05/01/2020

Tóm tắt:

Bài viết làm rõ tình hình sử dụng thực tập sinh cũng như nhu cầu tuyển dụng thực tập sinh khỏi ngành kinh tế của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Huế. Thông qua dữ liệu khảo sát các doanh nghiệp bằng phương pháp chọn mẫu quota, nhóm nghiên cứu đã phân tích được các hoạt động thực tế mà thực tập sinh đã tham gia, lợi ích và những trở ngại khi doanh nghiệp sử dụng thực tập sinh cũng như những mong muốn của doanh nghiệp đối với việc sử dụng thực tập sinh tại đơn vị của mình. Từ đó, nghiên cứu đã đề xuất các hàm ý cho các bên liên quan trong việc đáp ứng nhu cầu thực tập sinh ở các doanh nghiệp.

Từ khóa: Doanh nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, ngành kinh tế, thực tập sinh, thành phố Huế.

Mã JEL: A30.

Economics interns of enterprises in Hue city

Abstract:

This research aims to clarify the current situations of using trainees as well as enterprises' recruitment demands of economic interns in Hue city. Through data collection from the local enterprises selected by quota sampling technique, the results showed the trainees' experiencing activities of internship, enterprises' benefits and obstacles of internship as well as the enterprises' recruitment demand of internship. Accordingly, the study proposed managerial implications for units involved in meeting the enterprises' recruitment requirements of internship.

Keywords: Enterprise, Recruitment demand, Economic sector, Internship, Hue City.

JEL code: A30.

1. Giới thiệu

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển vượt bậc về mọi mặt và ngày càng khẳng định vị thế của mình trên đấu trường quốc tế. Để đáp ứng sự phát triển đó thì cần phải có một đội ngũ nhân lực được đào tạo đảm bảo về chất cũng như về lượng. Các nhà nghiên cứu và các học giả từ lâu đã xác định thực tập tại doanh nghiệp là một thành phần quan trọng của giáo dục đại học (Gault & cộng sự, 2000). Bên cạnh đó, Duke (2002) cho rằng những thông tin mà sinh viên tích lũy được ở giảng đường đại học là kiến thức thì những gì cần thiết tiếp theo là một nghiên cứu về hiệu quả của việc áp dụng những kiến thức đó vào thực tế thông qua thực tập. Nhận thức được điều này, tại Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam (2013) đã ra Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục-Đào tạo. Thực hiện theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết, hiện nay trong cả nước ngày càng nhiều cơ sở giáo dục đã và đang thực hiện chủ trương đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thực tiễn xã hội. Điều này sẽ góp phần cung cấp cho thị trường một nguồn lao động dồi dào được đào tạo chính quy một cách bài bản và có hệ thống.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, năm 2017, cả nước có khoảng 1,7 triệu sinh viên đại học và cao đẳng. Nếu chia cho trung bình bốn năm học, mỗi năm có gần 425.000 sinh viên ra trường. Tuy nhiên, vấn đề bất cập là trong khi số lượng sinh viên thực tập và ra trường tìm kiếm việc làm ngày càng tăng nhưng doanh nghiệp vẫn không tuyển dụng được nhân lực đáp ứng được nhu cầu hay vị trí tuyển dụng. Thực tế này có thể nhận thấy rõ không chỉ ở Việt Nam nói chung mà còn là những trở ngại ở từng địa phương cụ thể.

Nằm ở vùng duyên hải miền Trung, Thừa Thiên Huế được xem như là một cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Tính đến tháng 12 năm 2017, toàn tỉnh có gần 3200 doanh nghiệp với ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh khá đa dạng. Phần lớn doanh nghiệp ở Thừa Thiên Huế là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Đồng thời, Huế cũng là nơi có hệ thống trường đại học, cao đẳng với số lượng sinh viên khá lớn ở trong khu vực miền Trung-Tây nguyên. Trong đó, sinh viên khối ngành kinh tế chiếm tỷ lệ không nhỏ với khoảng 2000 sinh viên đi thực tập và tốt nghiệp mỗi năm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng, sinh viên đã rất khó khăn trong việc liên hệ doanh nghiệp phù hợp để tham gia thực tập

và trong nhiều trường hợp sinh viên cũng đã rất lúng túng khi giải quyết các công việc được giao tại đơn vị thực tập dù rằng họ đạt được kết quả học tập ở trường khá cao. Xét ở góc độ nhìn nhận của doanh nghiệp, rất nhiều nhà tuyển dụng lao động thường không cảm thấy tin tưởng và đánh giá cao với đội ngũ thực tập sinh ở đơn vị kinh doanh của mình. Chính vì vậy, việc tạo ra các sản phẩm đào tạo đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội nói chung và mong muốn của các doanh nghiệp thực tế hơn bao giờ hết là một vấn đề rất trở ngại của các cơ sở đào tạo.

Mục tiêu của bài viết này nhằm phản ánh thực tế tình hình sử dụng thực tập sinh cũng như nhu cầu tiếp nhận thực tập sinh khối ngành kinh tế của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Huế. Đồng thời, từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học, bài viết phần nào là cơ sở cho các đơn vị giáo dục thuộc khối ngành kinh tế trong cả nước nói chung cũng như ở địa bàn thành phố Huế tham khảo nhằm xây dựng định hướng đúng đắn đối với chương trình thực tập cho sinh viên đang theo học. Bố cục của bài viết được cấu trúc thành 5 phần: phần 1 giới thiệu về vấn đề nghiên cứu; phần 2 đề cập đến nền tảng lý thuyết liên quan, phần 3 trình bày về phương pháp nghiên cứu được sử dụng, phần 4 tập trung vào kết quả nghiên cứu và thảo luận và phần 5 là kết luận và một số đề xuất.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Thực tập và thực tập sinh

Theo Stretch & Harp (1991), thực tập là “học tập theo kinh nghiệm được kiểm soát, nơi một sinh viên nhận được tín chỉ học tập trong khi được một tổ chức làm việc trong một lĩnh vực quan tâm đã chọn”. Nghiên cứu này xem thực tập là một chương trình mà người tham gia là những sinh viên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng đến các đơn vị doanh nghiệp để làm quen với công việc thực tế, áp dụng kiến thức đã học cũng như rèn luyện kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm cho mình.

Chương trình thực tập sinh được lập kế hoạch và xây dựng dựa trên kinh nghiệm của nhà trường, khoa, bộ môn, giáo viên, sinh viên với doanh nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Mỗi thực tập sinh sẽ được hướng dẫn, giám sát bởi giáo viên hướng dẫn. Chương trình thực tập thường bao gồm những hoạt động trải nghiệm thực tế cho sinh viên nhằm bổ sung kiến thức đã học ở trường và hoàn thành trước khi sinh viên tốt nghiệp và được

đánh giá vào cuối kỳ thực tập.

Mục tiêu của chương trình thực tập sinh nhằm hướng sinh viên có cơ hội tìm hiểu và nắm bắt được các vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành học tại các cơ sở thực tập. Đồng thời, mục tiêu của chương trình này còn hướng sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn và phương pháp đã học để hiểu và giải thích các vấn đề thực tế liên quan đến công việc. Từ đó, sinh viên có thể hoàn thành tốt các công việc được giao tại cơ sở thực tập và hình thành kỹ năng chuyên môn cũng như kỹ năng mềm liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Sinh viên có tham gia thực tập tại doanh nghiệp dù kết quả học tập thấp thì cơ hội có được công việc vẫn cao hơn những người không tham gia thực tập (Gault & cộng sự, 2010).

Về cơ bản, việc triển khai chương trình thực tập sinh sẽ mang lại lợi ích cho cả 3 đối tượng gồm sinh viên-doanh nghiệp-nhà trường. Đối với sinh viên, chương trình thực tập sinh cung cấp cho họ cơ hội làm việc trong môi trường chuyên nghiệp và có liên quan đến nghề nghiệp. Vì thế, nó cho sinh viên cơ hội để đánh giá, suy ngẫm và trải nghiệm bước đầu (thử) ở một lĩnh vực nghề nghiệp trong tương lai. Ở góc độ đơn vị tiếp nhận thực tập sinh, doanh nghiệp sẽ có cơ hội đánh giá và lựa chọn được những sinh viên ưu tú như là nguồn tuyển dụng nhân sự có giá trị. Bởi lẽ, thực tập sinh được xem là nguồn lao động rẻ, có trình độ và thường có động lực cao (Gault & cộng sự, 2000). Về phía cơ sở đào tạo, các trường đại học, cao đẳng sẽ rất thuận lợi khi có thêm những địa điểm và cơ sở thực hành cho sinh viên, đồng thời tăng cường mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp trong việc chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ cũng như giải quyết đầu ra cho sản phẩm đào tạo của nhà trường.

Hiện tại, có nhiều cách phân loại thực tập sinh khác nhau đang được triển khai trong thực tế tại Việt Nam. Xét theo chế độ đãi ngộ của doanh nghiệp, thực tập sinh có thể được phân thành đối tượng có trả lương, không trả lương hoặc có trợ cấp. Xét theo thời gian tham gia thực tập sinh tại doanh nghiệp, thực tập sinh bao gồm: Thực tập toàn thời gian hoặc bán thời gian. Về độ dài thời gian một đợt thực tập, bao gồm thực tập một tháng đến bốn tháng hoặc lâu hơn (tùy vào mục đích).

2.2. Nhu cầu tuyển dụng thực tập sinh của doanh nghiệp

Việc tuyển dụng thực tập sinh tại các doanh

nh nghiệp có thể thấy tương tự như việc tuyển dụng nhân sự cho đơn vị của họ. Tùy thuộc vào đặc điểm, quy mô cũng như mục đích của mỗi doanh nghiệp mà quy trình và tính chất tuyển dụng thực tập sinh có thể khác nhau. Tuy nhiên, quy trình tuyển dụng thực tập sinh thường đơn giản hơn so với quy trình tuyển dụng nhân sự của doanh nghiệp bởi lẽ thực tập sinh là những sinh viên chưa tốt nghiệp nên mức độ yêu cầu của doanh nghiệp đối với sinh viên cũng thấp hơn so với nhân sự thực tế của doanh nghiệp.

Thông thường, việc đào tạo của các trường đại học, cao đẳng hiện nay đang hướng đến đáp ứng nhu cầu của xã hội về sử dụng lao động. Bloom (1956) đã đưa ra mô hình ASK để đánh giá năng lực nhân sự chuẩn quốc tế bao gồm: thái độ (attitude), kỹ năng (skills), kiến thức (knowledges) và hiện tại mô hình này đang được các trường lấy làm cơ sở xây dựng chuẩn đầu ra của mình. Hầu hết các trường đại học khối ngành kinh tế xây dựng đề án đào tạo sinh viên mã ngành kinh doanh (Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh) dựa trên các chuẩn đầu ra (Kiến thức, kỹ năng và thái độ) mà một sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Do vậy, nghiên cứu này xem nhu cầu tuyển dụng lao động/thực tập sinh của doanh nghiệp là những yêu cầu mà doanh nghiệp mong muốn ở một thực tập sinh cần có khi tham gia thực tế tại doanh nghiệp. Những yêu cầu của doanh nghiệp đặt ra có thể xem xét theo các chuẩn đầu ra do các cơ sở đào tạo khối ngành kinh tế xây dựng và triển khai.

(i) Kiến thức: có nền tảng kiến thức kinh tế cơ bản là yêu cầu cơ bản và điều kiện tiên quyết để sinh viên được doanh nghiệp tiếp nhận vào thực tập. Những kiến thức mà sinh viên khối ngành kinh tế mã ngành kinh doanh được đào tạo gồm: kiến thức giáo dục đại cương (chiếm 30%); kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (chiếm 70%).

(ii) Kỹ năng: các kỹ năng thực tập sinh cần có theo quan điểm nhà tuyển dụng gồm: kỹ năng truy xuất và xử lý thông tin (kỹ năng tin học-xử lý số liệu); kỹ năng giao tiếp và thuyết trình; kỹ năng lập kế hoạch và giải quyết vấn đề; kỹ năng phát triển và tương tác xã hội; kỹ năng ngoại ngữ.

(iii) Thái độ: các yêu cầu cơ bản về thái độ của thực tập sinh gồm: sự tuân thủ mệnh lệnh cấp trên; sự chủ động trong công việc; sự trung thực; có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong công việc; có khả năng học hỏi và phát triển; có động lực làm việc.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này tiếp cận ở góc độ doanh nghiệp để làm rõ tình hình tiếp nhận thực tập sinh cũng như nhu cầu tuyển dụng thực tập sinh của các doanh nghiệp. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa định tính và định lượng để giải quyết vấn đề nghiên cứu đặt ra.

Đầu tiên, nghiên cứu này thu thập dữ liệu thứ cấp bằng cách tổng hợp các bài báo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu làm nền tảng cho việc hệ thống các lý thuyết có liên quan. Ngoài ra, nghiên cứu tiến hành thực hiện thí điểm tại địa bàn thành phố Huế - là một trong những trung tâm đào tạo lớn của cả nước và được biết đến với Đại học Huế có bề dày lịch sử trên 60 năm - là một trung tâm đào tạo đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, có quy mô đào tạo lớn nhất khu vực miền Trung và Tây nguyên bao gồm 03 cơ sở đào tạo khối ngành kinh tế như Trường Đại học Kinh tế Huế, Khoa Du lịch Đại học Huế và Trường Đại học Dân lập Phú Xuân. Do vậy, nghiên cứu tiếp tục tiến hành thu thập dữ liệu thứ cấp nhằm làm rõ thực trạng các doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành thực hiện phỏng vấn chuyên sâu một số doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Huế để nắm bắt được những vấn đề có liên quan đến thực tập sinh. Qua đó, nghiên cứu hướng đến tổng hợp thông tin làm nền tảng cho việc phát triển thang đo và bảng câu hỏi. Đồng thời, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát có sử dụng bảng hỏi thiết kế sẵn đối với các doanh nghiệp ở các loại hình kinh doanh khác nhau. Mẫu khảo sát trong trường hợp này được xác định theo công thức Cochran (1977) với sai số cho phép là 10%, cỡ mẫu tính toán được là 96 (doanh nghiệp).

Để đảm bảo cỡ mẫu đáp ứng được yêu cầu của

việc phân tích thống kê, nghiên cứu tiến hành khảo sát 120 doanh nghiệp và đạt được 105 phiếu khảo sát hợp lệ để đưa vào phân tích. Việc tiếp cận mẫu theo phương pháp lấy mẫu phi xác suất với kỹ thuật lấy mẫu quota theo loại hình doanh nghiệp, trong đó 50% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ du lịch; 20% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, giải trí, truyền thông, giáo dục; 15% doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, 10% doanh nghiệp liên quan đến tài chính, ngân hàng và bảo hiểm và 5% doanh nghiệp trong một số lĩnh vực khác.

Trong nghiên cứu này, thống kê mô tả là kỹ thuật chính để xử lý và phân tích dữ liệu sơ cấp trên phần mềm SPSS 22.0.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Mẫu khảo sát của nghiên cứu bao gồm 45,71% các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ du lịch; lĩnh vực viễn thông, giải trí, truyền thông, giáo dục (20,95%); nhóm ngành sản xuất nông nghiệp và công nghiệp (13,33%); tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (12,38%); lĩnh vực khác như bất động sản, vận tải, tư vấn xây dựng, dược phẩm... (7,62%). Xét về quy mô, phần lớn doanh nghiệp có số lao động từ 10 đến dưới 50 người (gần 49%); từ 50 dưới 200 lao động chiếm xấp xỉ 26%; Xét về thời gian hoạt động, phần lớn các các doanh nghiệp hoạt động trên 10 năm (34,3%). Ngoài ra, trong số 105 doanh nghiệp tham gia khảo sát thì có 63 doanh nghiệp chiếm 60% đã từng tiếp nhận sinh viên thực tập tại cơ sở kinh doanh của mình.

4.2. Tình hình tiếp nhận thực tập sinh khối ngành kinh tế

Có thể thấy sinh viên đại học năm 3 và năm 4 là đối tượng chủ yếu tham gia thực tập tại các doanh

Bảng 1. Hoạt động sinh viên tại doanh nghiệp (ĐVT: lượt doanh nghiệp trả lời, %)

Hoạt động sinh viên được tham gia tại doanh nghiệp	Tần số	Tỷ lệ
Các công việc có liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị	42	66.67
Thu thập số liệu của doanh nghiệp và viết báo cáo tốt nghiệp	37	58.73
Hỗ trợ các cán bộ nhân viên trong đơn vị các công việc liên quan về mặt hành chính	32	50.79
Đi thực tế thị trường cùng với cán bộ nhân viên của doanh nghiệp	27	42.86
Tham gia các hoạt động khác về đoàn thể do đơn vị tổ chức	25	39.68
Được tập sự phân tích và nhận xét chính sách kinh doanh mà đơn vị đã và đang triển khai	19	30.16
Khác	1	1.59

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra.

Bảng 2. Những lợi ích doanh nghiệp tiếp nhận thực tập sinh (ĐVT: lượt doanh nghiệp trả lời, %)

Những lợi ích doanh nghiệp đạt được khi tiếp nhận thực tập sinh	Tần số	Tỷ lệ
Thực tập sinh có sức trẻ, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo	46	73.02
Hỗ trợ được doanh nghiệp một số công việc liên quan	43	68.25
Nhận được những ý tưởng mới và đóng góp từ thực tập sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị	24	38.1
Tạo tinh thần và không khí làm việc hứng khởi cho nhân viên trong đơn vị	23	36.51
Khác	2	3.17

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra.

nghiệp với tỷ lệ 77,2%. Hầu hết, sinh viên tham gia thực tập sinh được doanh nghiệp bố trí chủ yếu vào bộ phận kinh doanh và marketing (30,5%); thương mại/bán hàng (24,4%); Tài chính-Kế toán (16,8%). Một số vị trí còn lại như nhân sự, logistics, sản xuất/điều hành vẫn được quan tâm tuyển dụng nhưng với tỷ lệ còn rất thấp.

Xét về số lượng thực tập sinh bình quân hàng năm, con số này vẫn còn thấp. Trung bình số lượng thực tập sinh mà một doanh nghiệp tiếp nhận trong một năm phần lớn là dưới 10 sinh viên (xấp xỉ 68%). Số các doanh nghiệp tiếp nhận bình quân lượng sinh viên tham gia thực tập hàng năm từ 10 sinh viên trở lên chỉ chiếm tỷ lệ 32%. Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu bởi lẽ đặc thù doanh nghiệp ở thành phố Huế chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Hơn nữa, thực tập sinh là một chương trình mang tính thời điểm nên không thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc tiếp nhận một số lượng lớn sinh viên đồng thời đến tham gia thực tập tại đơn vị.

Về thời điểm tiếp nhận thực tập sinh thực tập, quý 2, 3 là khoảng thời gian phổ biến mà sinh viên tham gia thực tập sinh tại doanh nghiệp (62,1%). Bên cạnh đó, độ dài thời gian cho mỗi đợt thực tập phụ

thuộc vào mục đích của sinh viên khi đến thực tập tại doanh nghiệp. Phần lớn khoảng thời gian chủ yếu mà sinh viên tham gia thực tế tại doanh nghiệp là từ 2 đến 3 tháng (chiếm 42,2%) trong khi đó, thời gian thực tập trên 3 tháng chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (12%).

Số liệu Bảng 1 cho thấy các hoạt động chủ yếu mà Sinh viên được tham gia tại các doanh nghiệp là các công việc có liên quan đến hoạt động kinh doanh (66,67%), hoạt động hỗ trợ cán bộ nhân viên của doanh nghiệp về các công việc liên quan về mặt hành chính và thu thập số liệu để viết báo cáo tốt nghiệp của sinh viên (50,79%). Trong khi đó, một số hoạt động như thực hành phân tích và nhận xét chính sách kinh doanh của doanh nghiệp, đi thực tế thị trường hay tham gia các hoạt động đoàn thể khác trong doanh nghiệp vẫn chưa được thực hiện nhiều tại doanh nghiệp. Điều này cho thấy hoạt động thực tế của sinh viên tại doanh nghiệp chưa đa dạng, sinh viên chưa có nhiều những trải nghiệm thực tiễn liên quan đến đặc thù ngành học của mình.

Đối với lợi ích khi sử dụng thực tập sinh, phần lớn doanh nghiệp đều đánh giá thực tập sinh có sức trẻ, năng động, sáng tạo và có thể hỗ trợ doanh nghiệp những công việc liên quan (68,25%). Ngoài ra, việc

Bảng 3. Những trở ngại khi tiếp nhận thực tập sinh (ĐVT: lượt doanh nghiệp trả lời, %)

Những trở ngại khi doanh nghiệp tiếp nhận thực tập sinh đến thực tập	Tần số	Tỷ lệ
Thực tập sinh còn thiếu kinh nghiệm, bối rối khi gặp phải vấn đề cần giải quyết	41	65.08
Mức độ chủ động của thực tập sinh còn thấp khi tiếp cận với doanh nghiệp	27	42.86
Không có đủ nhân sự để hướng dẫn thực tập sinh	22	34.92
Chuyên ngành đào tạo, đề tài không phù hợp với doanh nghiệp	13	20.63
Không thoải mái khi cung cấp thông tin liên quan đến việc kinh doanh cho thực tập sinh	8	12.7
Cơ sở vật chất của doanh nghiệp chưa phù hợp để tiếp nhận thực tập sinh	7	11.11
Thái độ làm việc chưa tốt, chưa thích nghi được với môi trường doanh nghiệp	5	7.94
Xáo trộn công việc của doanh nghiệp	3	4.76
Khác	2	3.17

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra.

Bảng 4. Đánh giá của doanh nghiệp về sự thay đổi của sinh viên sau đợt thực tập

Tiêu chí	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Khả năng học tập, tìm hiểu tốt hơn	3	5	3,97	0,43
Kĩ năng làm việc tốt hơn	3	5	3,92	0,45
Đánh giá chung của doanh nghiệp về việc tiếp nhận thực tập sinh	3	5	3,90	0,53
Tiến bộ nhanh hơn	3	5	3,86	0,50
Năng suất làm việc cao hơn	3	5	3,70	0,55
Hài lòng hơn với công việc	2	5	3,62	0,63

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra.

sử dụng thực tập sinh cũng được doanh nghiệp nhận thấy hữu dụng khi doanh nghiệp có thể tiếp nhận những ý tưởng mới và những đóng góp của sinh viên trong hoạt động kinh doanh của mình. Mặt khác, sự có mặt của sinh viên trong doanh nghiệp cũng góp phần tạo tinh thần và không khí làm việc hứng khởi cho nhân viên trong đơn vị cũng được xem là một lợi ích thiết thực mà các doanh nghiệp khẳng định trong khảo sát (36,51%).

Bên cạnh những lợi ích đem lại, việc tiếp nhận thực tập sinh đến thực tập của doanh nghiệp cũng có những trở ngại nhất định. Phần lớn doanh nghiệp không có đủ cán bộ hướng dẫn để hỗ trợ sinh viên trong giai đoạn thực tập tại doanh nghiệp (34,92%). Điều này cũng dễ hiểu do quy mô doanh nghiệp ở địa phương nghiên cứu phần lớn là vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Ngoài ra, việc các thực tập sinh còn thiếu kinh nghiệm để giải quyết vấn đề (65,08%), mức độ chủ động của thực tập sinh khi tiếp cận doanh nghiệp còn hạn chế (42,86%) cũng đem lại những khó khăn khi doanh nghiệp sử dụng thực tập sinh. Điều này khiến cho nhiều doanh nghiệp xem sinh viên đến thực tập như là hoạt động đến doanh nghiệp thu thập số liệu để phân tích và viết báo cáo. Nhiều doanh nghiệp không mạnh dạn giao công việc cho sinh viên, thậm chí một số doanh nghiệp còn rất lo lắng trong việc để sinh viên tiếp cận thông tin của doanh nghiệp.

Có thể thấy, thực tập là cơ hội tốt nhất để sinh viên được tiếp xúc và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp nhằm rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tế. Điều này được thể hiện rõ trong bảng số liệu đánh giá của doanh nghiệp về những thay đổi của thực tập sinh sau khi tham gia thực tế tại đơn vị. Nhìn chung, doanh nghiệp đã có những đánh giá khá hài lòng với việc tiếp nhận thực tập sinh tại đơn vị mình (điểm đánh giá bình quân là 3,9 so với thang điểm Likert 5 mức độ). Cụ thể, số liệu tại Bảng 5 cho thấy phần lớn doanh nghiệp đều nhận thấy những thay đổi rõ nét từ thực tập sinh như kỹ năng làm việc tốt hơn, khả năng học tập và tìm hiểu vấn đề cũng tốt hơn.

4.3. Nhu cầu tiếp nhận thực tập sinh khỏi ngành kinh tế mã ngành kinh doanh

Khi xem xét nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Huế trong việc tuyển dụng thực tập sinh, kết quả cho thấy đối tượng thực tập sinh mà doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận chủ yếu là sinh viên đại học năm 3, 4 (xấp xỉ 66%); bộ phận/lĩnh vực mà doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận thực tập sinh phần lớn là kinh doanh và Marketing (62,2%); quy mô tiếp nhận trung bình/năm dưới 10 sinh viên là con số được phần lớn doanh nghiệp đồng ý để tuyển dụng vào thực tập tại doanh nghiệp; thời điểm tuyển dụng thực tập sinh phù hợp nhất là quý 3 và

Bảng 5. Yêu cầu của doanh nghiệp về kiến thức của thực tập sinh

Yêu cầu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Kiến thức cơ bản chung về kinh tế và kinh doanh	2	5	3,82	0,75
Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực/chủ đề mà thực tập sinh muốn trải nghiệm tại đơn vị	1	5	3,79	0,94
Kiến thức chung về chính trị, pháp luật, xã hội,...	1	5	3,27	0,88

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra.

Bảng 6. Yêu cầu của doanh nghiệp về kỹ năng của thực tập sinh

Yêu cầu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Giao tiếp, đàm phán với khách hàng	2	5	4,23	0,60
Làm việc nhóm	2	5	4,15	0,66
Phân tích và giải quyết vấn đề	2	5	4,06	0,66
Quản lý thời gian	3	5	4,05	0,59
Ngoại ngữ (giao tiếp, đọc, dịch tài liệu,...)	2	5	3,93	0,65
Tin học văn phòng cơ bản (word, excel, powerpoint,...)	1	5	3,71	0,89
Tin học nâng cao (lập trình/đồ họa/thiết kế web/fanpage...)	1	5	3,20	0,89

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra.

quý 4 (trên 61%); và độ dài thời gian hợp lý để thực tập tại doanh nghiệp phần lớn được các doanh nghiệp xác định là 2 đến dưới 3 tháng.

Bảng 5 cho thấy, khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành được doanh nghiệp quan tâm và xem đó là thước đo để đánh giá sinh viên.

Đối với kỹ năng của thực tập sinh, kết quả phân tích số liệu ở bảng 6 cho thấy 4 kỹ năng được doanh nghiệp đặc biệt chú trọng là kỹ năng giao tiếp đàm phán, kỹ năng quản lý thời gian, làm việc nhóm cũng như phân tích và giải quyết vấn đề (điểm trung bình đánh giá trên 4 so với thang điểm 5 mức độ). Thực tế cho thấy những kỹ năng này thật sự rất quan trọng bởi lẽ môi trường doanh nghiệp, sinh viên phải đóng vai như một người nhân viên thực sự nên họ phải biết quản lý thời gian để hoàn thành công việc đúng tiến độ; họ cần phải cởi mở, hoà nhã để không chỉ cần để tiếp xúc với những người đồng nghiệp xung quanh mà còn quan trọng hơn là tương tác, giao tiếp với khách hàng. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm sẽ gia tăng khả năng hợp tác cũng như hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm chỉ vì một mục đích chính cuối cùng: hoàn thành tốt công việc

trong thời gian ngắn nhất. Ngoài ra, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề được các doanh nghiệp xem là quan trọng.

Bảng 7 cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều đánh giá rất cao tinh thần thái độ cầu thị, ham học hỏi và thái độ hòa đồng với mọi người (điểm giá trị trung bình đánh giá tương ứng là 4,5 và 4,45). Thêm vào đó, thái độ có trách nhiệm cao với công việc được giao cũng được các doanh nghiệp cho là rất cần thiết với điểm trung bình đánh giá là 4,37. Ngoài ra thái độ năng động, không ngại khó; thái độ chấp hành các quy định của đơn vị thực tập; thái độ đoàn kết, trung thực, hợp tác; thái độ sẵn sàng giúp đỡ chia sẻ công việc; với mọi người cũng được các doanh nghiệp quan tâm và xem chúng là những yêu cầu cần có đối với mỗi thực tập sinh cũng như nhân viên của mình. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp yêu cầu về thái độ rất cao, bởi vì thái độ có thể quyết định đến 70% sự thành công trong công việc. Ngoài ra, từ kết quả số liệu của bảng 8 còn cho thấy điểm giá trị trung bình đánh giá của tất cả phát biểu đưa ra đều từ 4,10 trở lên cho thấy rằng hầu hết các doanh nghiệp đều thật sự quan tâm và coi trọng đến thái

Bảng 7. Yêu cầu của doanh nghiệp về thái độ của thực tập sinh

Yêu cầu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Tinh thần cầu thị, ham học hỏi	2	5	4,50	0,60
Thái độ hòa đồng với mọi người	2	5	4,45	0,60
Có trách nhiệm cao với công việc được giao	2	5	4,37	0,57
Năng động, không ngại khó	2	5	4,29	0,59
Chấp hành các quy định của đơn vị thực tập	2	5	4,28	0,58
Đoàn kết, trung thực, hợp tác	2	5	4,22	0,58
Sẵn sàng giúp đỡ và chia sẻ công việc với mọi người	2	5	4,10	0,62

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra.

độ của thực tập sinh khi tham gia thực tế tại doanh nghiệp. Điều này gợi ý cho nhà trường và phía sinh viên trong việc nhận thức tầm quan trọng của chuẩn đầu ra này.

Ngoài những tìm hiểu về yêu cầu của doanh nghiệp đối với thực tập sinh liên quan đến chuẩn đầu ra, nghiên cứu này còn tham vọng nắm bắt thêm các vấn đề liên quan đến chính sách đãi ngộ cho thực tập sinh cũng như ý định sử dụng thực tập sinh của doanh nghiệp sau khi kết thúc thực tập. Kết quả khảo sát các doanh nghiệp cho thấy đa số các doanh nghiệp đều có chính sách đãi ngộ cụ thể cho thực tập sinh khi tham gia thực tập tại doanh nghiệp, cụ thể: trợ cấp (cơm trưa, xăng xe) cho thực tập sinh với tỷ lệ 29% số doanh nghiệp tham gia khảo sát; thưởng cho thực tập sinh (21%); tiền công theo sản phẩm (14,7%), tiền công theo giờ (10%). Bên cạnh đó, 39% doanh nghiệp cho rằng họ muốn đào tạo thực tập sinh thành nhân viên chính thức sau khi kết thúc thực tập; 36% doanh nghiệp tham gia khảo sát muốn tuyển dụng thực tập sinh làm cộng tác viên cho doanh nghiệp. Điều này cho thấy thực tập ở doanh nghiệp không chỉ là cơ hội để sinh viên trải nghiệm thực tế để tăng hiểu biết về thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo mà còn là cơ hội được thử sức mình ở doanh nghiệp để đạt được thành quả bước đầu trong cuộc sống tự lập sau này của mỗi sinh viên khi nhận được chính sách ưu đãi của doanh nghiệp từ những gì mình cống hiến. Bên cạnh đó, sinh viên còn có cơ hội để chứng tỏ khả năng của mình trước các nhà tuyển dụng tiềm năng.

5. Kết luận và hàm ý

Thực tập chính là cơ hội để sinh viên quan sát công việc hàng ngày tại một công ty, tìm hiểu văn hóa và môi trường làm việc và cũng là cơ hội để sinh viên hiểu thêm về lĩnh vực ngành nghề mà họ định hướng. Qua đó giúp sinh viên mở rộng các mối quan hệ trong thời gian thực tập để tạo được nhiều thuận lợi hơn cho bản thân sau khi tốt nghiệp ra trường. Thị trường lao động hiện nay ngày càng cạnh tranh gay gắt, rất nhiều sinh viên ra trường thất nghiệp trong một thời gian dài. Vì vậy sinh viên nên nhìn nhận đúng đắn về quá trình thực tập để có sự chuẩn bị tốt nhất sau khi ra trường bằng cách tìm kiếm một công việc thực tập nghiêm túc.

Kết quả khảo sát 105 doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Huế cho thấy hiện tại mới chỉ có 63 doanh nghiệp đã từng tiếp nhận thực tập sinh đến thực tập

tại đơn vị, con số này chưa thực sự cao. Các lĩnh vực mà sinh viên được doanh nghiệp tiếp nhận thực tập chủ yếu là kinh doanh và marketing. Đối tượng sinh viên được tiếp nhận đa số là sinh viên năm 3-4, sinh viên hệ cao đẳng, liên thông, mỗi năm họ chỉ có thể tiếp nhận dưới 10 sinh viên và thực tập phần lớn trong vòng từ 2 đến dưới 3 tháng. Điều này cho thấy các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Huế đa phần là các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, có quy mô nhỏ công việc không nhiều nên việc tiếp nhận thực tập sinh rất hạn chế. Bên cạnh đó, những yêu cầu của doanh nghiệp liên quan đến kiến thức, kỹ năng và thái độ cũng được đặt ra rất cụ thể. Về mặt kiến thức, đa số các doanh nghiệp đều mong muốn thực tập sinh của mình am hiểu kiến thức về kinh doanh và kinh tế bên cạnh đó sinh viên cũng phải nắm vững kiến thức chuyên môn lĩnh vực của mình được học, ngoài ra cũng cần ít kiến thức về chính trị pháp luật. Để thực tập tốt trong môi trường doanh nghiệp kỹ năng giao tiếp đàm phán là kỹ năng được yêu cầu cao đối với sinh viên, đồng thời sinh viên cũng cần rèn luyện cho mình các kỹ năng khác như kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, kỹ năng ngoại ngữ... Có kiến thức tốt, có kỹ năng tốt nhưng bạn cũng cần có thái độ tốt. Tinh thần cầu tiến, ham học hỏi được đa phần các doanh nghiệp đánh giá cao. ngoài ra sinh viên phải luôn có thái độ hoà đồng với mọi người, năng động chịu khó, đoàn kết trung thực, sẵn sàng giúp đỡ sẻ chia công việc với người khác.

Từ những nắm bắt về thực tiễn sử dụng thực tập sinh và các yêu cầu của doanh nghiệp đối với thực tập sinh khi tham gia thực tế tại doanh nghiệp, nghiên cứu đưa ra một số đề xuất cho các đối tượng có liên quan:

-Đối với các cơ sở đào tạo: Các cơ sở đào tạo cần nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động nói chung và thị trường lao động địa phương để có cơ sở xây dựng chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, của từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại. Cần thực hiện tốt phương châm đào tạo những gì xã hội cần vì vậy chương trình đào tạo, nội dung, phương pháp, giáo trình, tài liệu, cách kết nối của các trường phải thay đổi. Do đó, việc tăng cường và thắt chặt mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp là rất cần thiết theo tinh thần đôi bên cùng có lợi. Bên cạnh đó, nhà trường cần gắn kết với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo thông qua việc thường xuyên lấy ý kiến của doanh nghiệp về xây dựng, đánh giá

và cải tiến chương trình đào tạo để có thể chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế. Mặt khác, việc xây dựng mạng lưới kết nối các cựu sinh viên, doanh nghiệp và nhà trường là rất quan trọng. Qua đó, các cơ sở đào tạo có thể thường xuyên tổ chức những buổi hội thảo trao đổi, chia sẻ những vấn đề chuyên môn cả về lý thuyết lẫn thực tiễn.

-Đối với các doanh nghiệp: Doanh nghiệp hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất bằng cách hỗ trợ học bổng cho sinh viên, ký kết các hợp đồng tư vấn, nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể hỗ trợ tài chính cho nhà trường bằng việc thành lập các công ty, khu công nghệ, khu thực hành, giảng

đường, phòng thí nghiệm, trang thiết bị cho giảng dạy và học tập. Ngoài ra, việc tiếp nhận các giảng viên tham quan, khảo sát thực tế và trao đổi thực tiễn với các cán bộ chuyên môn của doanh nghiệp là rất cần thiết và cần tiến hành thường xuyên. Đồng thời, doanh nghiệp có thể đẩy mạnh hợp tác với nhà trường thông qua gắn kết việc điều hành nhân sự và tham gia quá trình đào tạo bằng cách ưu tiên tuyển dụng những giảng viên có kinh nghiệm làm việc trong các doanh nghiệp. Cuối cùng, doanh nghiệp có thể tham gia giảng dạy thực tế tại các cơ sở đào tạo để cung cấp kinh nghiệm thực tế kịp thời hơn cho sinh viên khi còn ở giảng đường.

Tài liệu tham khảo:

- Ban chấp hành Trung Ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, ban hành ngày 4 tháng 11 năm 2013.
- Bloom, B.S. (1956), *Taxonomy of Educational Objectives*, Handbook I, David McKay Co Inc, New York.
- Cochran, W.G. (1977), *Sampling techniques*, 3rd edition, John Wiley & Sons, New York.
- Đình Anh Vũ (2018), *Intern là gì, internship là gì? Muốn cách ghi điểm với công ty dành cho các THỰC TẬP SINH*, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 4 năm 2018, từ <<https://www.cet.edu.vn/quan-tri-nha-hang-khach-san/thuat-ngu/internship-la-gi#intern-la-gi-internship-la-gi>>.
- Duke, C.R. (2002), 'Learning Outcomes: "Comparing Student Perceptions of Skill Level and Importance', *Journal of Marketing Education*, 24(3), 203-219.
- Gault, J., Redington, J. & Schlager, T. (2000), 'The Benefits of Undergraduate Business Internships: Implications for the Student, University, and Business Community', *Journal of Marketing Education*, 22(1), 45-53.
- Stretch, Shirley M. & Harp, Shelley S. (1991), 'Retail Internships: An Experiential Learning Challenge', *Marketing Education Review*, 2(1), 66-75.
- Tổng cục thống kê (2017), 'Số giáo viên, số sinh viên đại học và cao đẳng phân theo địa phương', truy cập lần cuối ngày 20 tháng 6 năm 2019, từ <<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=722>>.